

Diễn Vạn, ngày 06 tháng 9 năm 2024

KẾ HOẠCH
CHỈ ĐẠO THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH
CHĂM SÓC - GIÁO DỤC TRẺ 24 - 36 THÁNG TUỔI,
NĂM HỌC 2024 – 2025

PHẦN A

Phụ lục 1

DỰ KIẾN CÁC CHỦ ĐỀ VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN CÁC CHỦ ĐỀ
ĐỘ TUỔI: NHÀ TRẺ 24- 36 THÁNG

(Kèm theo Kế hoạch số 118 /KH-MNDV ngày 06 tháng 9 năm 2024 của Trường Mầm non Diễn Vạn)

(Thực hiện từ ngày 16/09/2024 đến 23/05/2025)

TT	Chủ đề	Chủ đề nhánh	Thời gian	Tuần
1	Trường mầm non	- Trường mầm non của bé	16/9- 20/9	1
		Trường mầm non của bé	23/9-27/9	2
		- Lớp học của bé	30/9- 04/10	3
		- Lớp học của bé	07/10- 11/10	4
2	Đồ dùng đồ chơi của bé	- Đồ dùng của bé Ngày hội 20/10	14/10- 18/10	5
		- Đồ chơi của bé	21/10- 25/10	6
		- Đồ chơi của bé	28/10- 01/11	7
3	Bé với gia đình thân yêu	Mời bạn đến thăm gia đình bé	04/11- 08/11	8
		Mời bạn đến thăm gia đình bé	11/11- 15/11	9
		Ngày hội của cô	18/11- 22/11	10
		Một số đồ dùng để ăn	25/11- 29/11	11
		Một số đồ dùng để uống	02/12- 06/12	12
		Đồ dùng sinh hoạt	09/12- 13/12	13
4	Những con vật đáng yêu	Một số con vật nuôi trong gia đình	16/12- 20/12	14

		Một số con vật nuôi trong gia đình	23/12- 27/12	15
		Một số con vật sống dưới nước	30/12- 03/01	16
		Một số con vật sống dưới nước	06/01-10/01	17
		Một số con vật sống trong rừng	13/01- 17/01	18
5	Rau củ quả và những bông hoa đẹp Bé vui đón tết	Một số cây xanh quanh bé	20/01-24/01	19
		Những bông hoa đẹp	03/02-07/02	20
		Bé vui đón tết	10/02- 14/02	21
		Mùa xuân của bé	17/02- 21/02	22
		Một số loài rau	24/02- 28/02	23
		Nhiều loại quả - Ngày vui 8/3	03/03- 07/03	24
6	Bé với phương tiện giao thông	Phương tiện giao thông đường bộ	10/03- 14/03	25
		Phương tiện giao thông đường bộ	17/03- 21/03	26
		Phương tiện giao thông đường hàng không	24/03-28/03	27
		Phương tiện giao thông đường thủy	31/03- 04/04	28
		Quy định luật giao thông đường bộ	07/04- 11/04	29
7	Mùa hè đến rồi	Thời tiết mùa hè	14/04- 18/04	30
		Quần áo trang phục mùa hè	21/04- 25/04	31
		Vệ sinh mùa hè của bé	28/04- 02/05	32
8	Bác Hồ của em , Em lên mẫu giáo	Em lên mẫu giáo	05/05- 09/05	33
		Em lên mẫu giáo	12/05- 16/05	34
		Bác Hồ Kính Yêu	19/05- 23/05	35
Tổng cộng				35

Phụ lục 02

B.KẾ HOẠCH NUÔI DƯỠNG VÀ CHĂM SÓC SỨC KHỎE

ĐỘ TUỔI: NHÀ TRẺ 24- 36 THÁNG

(Kèm theo Kế hoạch số 118 /KH-MNDV ngày 06 tháng 9 năm 2024

của Trường Mầm non Diễn Vạn)

Nội dung	Phương pháp hình thức thực hiện	Người thực hiện, người phối hợp thực hiện	Lưu ý/ điều chỉnh
1. Tổ chức bữa ăn	a. Số lượng và chất lượng bữa ăn: - Số bữa ăn: Hai bữa chính và một bữa phụ. - Xây dựng chế độ ăn, khẩu phần ăn phù hợp với độ tuổi: Trẻ ăn cơm thường - Nhu cầu khuyến nghị năng lượng tại trường của 1 trẻ trong một cả ngày: 600 - 651 Kcal. + Năng lượng phân phối cho các bữa ăn: Bữa ăn buổi trưa cung cấp từ 30% đến 35% năng lượng cả ngày. Bữa ăn buổi chiều cung cấp từ 25% đến 30% năng lượng cả ngày. Bữa phụ cung cấp khoảng 5% đến 10% năng lượng cả ngày. + Tỷ lệ các chất cung cấp năng lượng được khuyến nghị theo cơ cấu: Chất đạm (Protit) cung cấp khoảng 13% - 20% năng lượng khẩu phần. Chất béo (Lipit) cung cấp khoảng 30% - 40% năng lượng khẩu phần Chất bột (Gluxit) cung cấp khoảng 47% - 50% năng lượng khẩu phần. - Bữa ăn bán trú nên đáp ứng các tiêu chuẩn: Khuyến khích bữa chính có trên 10 loại thực phẩm và có từ 3 đến 5 loại rau, củ; thực đơn bữa chính của trẻ mẫu giáo gồm: cơm, món xào, món mặn, canh và tráng miệng; - Nhằm kích thích trẻ hứng thú tham gia hoạt động ăn tại trường, tạo cơ hội rèn kỹ năng tự phục vụ của trẻ, cần đổi mới hình thức tổ chức ăn cho trẻ như ăn tự chọn, bữa ăn gia đình, ăn bằng khay... nhưng vẫn phải đảm bảo nguyên tắc vệ sinh toàn toàn thực phẩm, cân đối các chất dinh dưỡng, công bằng với trẻ trong hoạt động ăn	CBQL, Giáo viên, nhân viên nấu ăn, Phụ huynh	

	- Xây dựng thực đơn hàng ngày, theo tuần, theo mùa. - Nước uống: khoảng 0,8 - 1,6 lít/trẻ/ngày (kể cả nước trong thức ăn). - Nước uống cho trẻ phải được đun sôi kỹ hoặc sử dụng nước uống đóng chai đã được kiểm nghiệm và đựng trong bình hay ấm có nắp đậy kín và nên sử dụng trong ngày, không được dùng nước sôi để 2-3 ngày vẫn sử dụng lại. Mùa đông chú ý ủ nước ấm cho trẻ uống. b. Chăm sóc bữa ăn <i>* Trước khi ăn:</i> - Chuẩn bị đầy đủ bàn ghế, khăn, đĩa, lọ hoa, giấy lau,... - Tổ chức cho trẻ ăn tại lớp phải đảm bảo thoáng mát, không kê bàn ăn sát nhau, đảm bảo khoảng cách giữa các trẻ, giáo dục trẻ kỹ năng vệ sinh trước và sau khi ăn; <i>* Trong khi ăn:</i> - Kết hợp giáo dục trẻ hành vi vệ sinh văn minh trong ăn uống: biết mời cô và các bạn trước khi bắt đầu ăn, ngồi ăn ngay ngắn, không co chân lên ghế, ăn từ tốn, nhai kỹ, không nói chuyện và đùa nghịch trong khi ăn. Giáo viên cần tạo không khí vui vẻ trong khi ăn. - Cần quan tâm hơn đối với những trẻ mới đi học, trẻ mới tập ăn, trẻ biếng ăn, trẻ ăn chậm, trẻ yếu hay trẻ mới ốm dậy. - Khi trẻ có biểu hiện ăn kém, cô giáo phải tìm hiểu nguyên nhân để tìm biện pháp hỗ trợ trẻ. - Chú ý đề phòng nguy cơ trẻ bị hóc, sặc trong khi cho trẻ ăn và cô cần nắm được thao tác sơ, cấp cứu khi trẻ bị hóc, sặc, ngạt, tắc đường thở. Nhà trường có thể thay đổi các hình thức tổ chức bữa ăn theo ngày hoặc mỗi tuần 1 bữa (ăn tự chọn, bữa ăn gia đình..) để cho trẻ có hứng thú trong bữa ăn, rèn kỹ năng tự phục vụ nhưng phải đảm bảo an toàn phẩm và dinh dưỡng cho trẻ <i>* Sau khi ăn:</i> - Giáo viên hướng dẫn trẻ cất bát thìa, ghế vào nơi qui định nhắc trẻ lau miệng, uống nước, đi vệ sinh. Đánh răng hoặc súc miệng trước khi đi ngủ để tránh trẻ ngậm thức ăn trong miệng và không bị sâu răng. - Đồ dùng cá nhân khăn mặt, ca cốc uống nước,		
--	---	--	--

	phải có ký hiệu đảm bảo an toàn vệ sinh và tuyệt đối không được dùng chung; - Nhà trường phối hợp phụ huynh để kiểm tra giám sát việc chuẩn bị tổ chức bữa ăn cho trẻ tại nhà bếp và nhóm lớp để nhắc nhở, điều chỉnh kịp thời khi thấy những việc chưa phù hợp.		
2. Tổ chức giấc ngủ	Tổ chức cho trẻ ngủ một giấc buổi trưa (khoảng 150 phút). Gối, chiếu cho trẻ ngủ phải được giặt, phơi thường xuyên không để ẩm mốc * Trước lúc cho trẻ ngủ: - Kiểm tra xem trẻ có ngậm thức ăn trong miệng không, nhắc trẻ có thói quen uống nước trước khi đi ngủ. - Tập cho trẻ tự đi vệ sinh, lấy chăn gối (phù hợp với tầng độ tuổi); - Kiểm tra số trẻ trong lớp tránh trường hợp trẻ đi ra ngoài lớp. Giáo viên chú ý cởi bớt quần áo cho trẻ trước lúc ngủ (đối với mùa đông). * Trong khi ngủ - Giáo viên phải trực để quan sát trẻ, xử lý kịp thời các tình huống có thể xảy ra trong khi ngủ. - Thời gian trẻ mới đến trường chưa quen ngủ trưa, lạ lớp, lạ bạn, lạ MT trẻ khó ngủ giáo viên động viên trẻ và có thể cho trẻ ngủ sau, không được dọa nạt, phạt mắng trẻ. Giáo viên động viên trẻ nói nhỏ nhẹ không làm ảnh hưởng đến giấc ngủ bạn khác * Sau khi thức dậy - Giáo viên cần quan tâm đến những trẻ đang muốn ngủ, ngại ngủ có thể cho trẻ dậy sau tránh thức giấc đột ngột làm ảnh hưởng đến tâm lý trẻ, trẻ mệt mỏi không muốn tham gia hoạt động chiều. - Tập cho trẻ thói quen đi vệ sinh sau khi ngủ dậy, cất gối, chiếu vào nơi qui định, cho trẻ chơi 1 trò chơi chuyển tiếp hoặc trò chuyện, hát để tập cho trẻ thoải mái trước khi vào ăn bữa phụ.	- Giáo viên chủ nhiệm - Bảo mẫu	
3. Tổ chức vệ sinh	a. Vệ sinh cô: - Đối với giáo viên khi thực hiện chăm sóc trẻ: Đảm bảo quần, áo, đầu tóc gọn gàng, móng tay được cắt ngắn, trước lúc cho trẻ ăn hoặc tiếp xúc với thức ăn, chăm sóc trẻ bàn tay luôn được vệ sinh sạch sẽ, rửa tay bằng xà phòng. Đeo khẩu trang khi chia thức ăn cho trẻ - Khám sức khỏe định kỳ hàng năm	Giáo viên và bảo vệ	

	b. Vệ sinh cá nhân trẻ - Yêu cầu phải chuẩn bị đủ đồ dùng vệ sinh cá nhân cho trẻ và đồ dùng phải có ký hiệu riêng, tuyệt đối không được dùng chung. - Tập cho trẻ thói quen vệ sinh rửa tay sau khi học, chơi xong, trước và sau khi ăn, vệ sinh khi tay bẩn; nhà trường phải chuẩn bị đủ cho các lớp nước rửa tay hoặc xà phòng (xà phòng, nước rửa tay, dung dịch sát khuẩn phải để ở vị trí thích hợp tiện cho trẻ khi sử dụng). - Các lớp đều có giấy vệ sinh cho trẻ đảm bảo chất lượng; có khăn giấy để cho trẻ lau mũi khi cần và giấy tại nhà vệ sinh. - Trong vệ sinh cá nhân yêu cầu giáo viên cần quan tâm đến trẻ trong giờ đón, trả trẻ tránh trường hợp quần áo có mùi mồ hôi đến lớp sẽ không đảm bảo vệ sinh cho bạn ngồi bên cạnh (nhắc phụ huynh đưa thêm quần áo dự phòng để giáo viên có thể tắm, thay quần áo cho trẻ khi cần thiết). - Trong thời điểm dịch bệnh đang xảy ra yêu cầu giáo viên thực hiện tốt việc chăm sóc vệ sinh cá nhân cho trẻ; hướng dẫn trẻ súc miệng, giáo viên có thể pha nước muối loãng để tại lớp cho trẻ súc miệng. - Quần áo, giày dép của trẻ phải đảm bảo sạch sẽ, gọn gàng, tuyên truyền, phối hợp với phụ huynh rèn cho trẻ thói quen chăm sóc vệ sinh cá nhân, mặc quần áo phù hợp với mùa. c. Vệ sinh môi trường nhóm, lớp <i>* Vệ sinh đồ dùng, đồ chơi:</i> - Xây dựng lịch để vệ sinh lau chùi đồ dùng, đồ chơi hàng tuần, hàng ngày tùy theo điều kiện của lớp học; Làm sao đồ dùng đồ chơi không bị bụi bẩn, trần nhà, cửa sổ không có bụi bẩn, sắp xếp phòng kho của lớp gọn gàng, khoa học để dễ lấy, để chất tránh đồ dùng chất đầy, luộm thuộm trong kho nên hàng ngày giáo viên lười không đưa ra sử dụng. - Đồ dùng cốc uống nước, thìa, bát được rửa sạch và tiệt trùng hàng ngày bằng nước sôi hoặc hấp sấy; - Đồ dùng bàn ghế mỗi tuần vệ sinh lau rửa 1 lần; Chăn gối được phơi thường xuyên khi có nắng, giặt mỗi tuần, hoặc vài tuần một lần tùy điều kiện thực tế của nhà trường nhưng phải đảm bảo vệ sinh. - Nhà vệ sinh của trẻ: Nhà vệ sinh cần được cọ rửa		
--	--	--	--

	sạch sẽ hằng ngày trước khi ra về. Hàng tuần tổng vệ sinh toàn bộ khu vực này. - Bô đi vệ sinh của trẻ được cọ rửa bằng dung dịch sát khuẩn hằng ngày và được úp khô ráo. + Dùng dung dịch sát khuẩn có chứa clo để tẩy rửa bề mặt sàn nhà vệ sinh và bồn cầu. Rửa sạch thảm chống trượt bằng xà phòng. Lau khô sàn nhà vệ sinh, không để ẩm và ứ đọng nước. + Nền nhà vệ sinh luôn phải khô ráo. + Phải cất các sản phẩm tẩy rửa ở nơi an toàn. + Không có mùi hôi khai của nước tiểu và phân. + Không dùng khoá cửa trong nhà vệ sinh của trẻ. + Mùa đông pha nước ấm cho trẻ rửa tay, lau mặt. + Không để giấy vệ sinh bên cạnh nguồn nước. Sử dụng thùng chứa có nắp cho giấy vệ sinh đã qua sử dụng. + Hướng dẫn và giám sát trẻ thực hiện đúng kỹ năng vệ sinh (giáo viên hỗ trợ trẻ đối với trẻ nhỏ chưa thực hiện được các kỹ năng vệ sinh). <i>* Xử lý rác và nước thải trong nhà trường</i> - Phải có thùng rác tại các lớp: Vừa đảm bảo vệ sinh vừa GD trẻ có ý thức bỏ rác đúng nơi qui định, thùng rác phải có nắp đậy và được xử lý hằng ngày. - Nhà trường phải chú trọng việc xử lý các nguồn nước thải trong nhà trường, thường xuyên tổ chức vệ sinh khơi thông cống rãnh tránh nước ứ đọng. - Chú ý nguồn nước sinh hoạt, nếu có hiện tượng bẩn, khăn ố màu phải kiểm tra và xử lý nguồn nước sinh hoạt.		
4. Tổ chức chăm sóc sức khỏe và an toàn	a. Chăm sóc sức khỏe <i>* Khám sức khỏe</i> - Trong năm học, nhà trường phối hợp với các cơ sở y tế có đủ điều kiện tổ chức khám, điều trị theo các chuyên khoa như: Nhi khoa, mắt, tai – mũi – họng, răng – hàm – mặt, cơ – xương – khớp... nhằm phát hiện sớm bệnh tật của trẻ, có biện pháp điều trị thích hợp. - Nhà trường tổ chức khám sức khỏe cho trẻ một năm ít nhất 1 lần; Lưu ý khi kiểm tra sức khỏe cho trẻ cần phải ghi đầy đủ các nội dung yêu cầu tại sổ sức khỏe; thông báo kết quả cho cha mẹ trẻ biết sau khi khám sức khỏe <i>* Theo dõi quá trình phát triển thể lực của trẻ.</i>	- CBQL - Giáo viên chủ nhiệm - Nhân viên y tế, - Trạm y tế xã, - Bệnh viện đa khoa Phủ	

	- Theo dõi biểu đồ phát triển trẻ về chỉ số cân nặng và chiều cao 3 tháng 1 lần (vào tháng 9, 12/2024 và tháng 3/2025); - Đối với trẻ suy dinh dưỡng, béo phì theo dõi mỗi tháng 1 lần: có sổ ghi chép và đánh giá sự tiến bộ của trẻ, đưa ra các giải pháp để phối hợp phụ huynh chăm sóc trẻ. b. Phòng và xử lý các bệnh thường gặp: - Phối hợp với trung tâm y tế tuyên truyền với phụ huynh thực hiện đúng lịch tiêm chủng; tuyên truyền cho phụ huynh hiểu được một số tác dụng phụ sau khi trẻ đi tiêm chủng. - Phòng tránh một số dịch bệnh thường xảy ra ở trẻ, và một số dịch bệnh đang lây lan trên địa bàn. Chú ý khi trẻ trong nhà trường bị nhiều trẻ mắc một số bệnh (sốt vi rút, quai bị, sởi, thủy đậu...) cần báo cho gia đình và trung tâm y tế biết để phối hợp xử lý tránh lây lan trong nhà trường. c. Phát hiện sớm và chăm sóc trẻ bị ốm - Bồi dưỡng cho giáo viên cách phát hiện trẻ bị ốm (Sốt, ho, viêm đẹn, tiêu chảy...) cách phát hiện các triệu chứng của các bệnh thường gặp ở trẻ, chăm sóc trẻ khi sốt, ho ỉa chảy - Xây dựng tủ thuốc nhà trường yêu cầu có những loại cơ bản sau: + Thuốc sát trùng ngoài da (cồn 70%, cồn iốt loãng 2,5%). + Thuốc hạ sốt. + OERSOL. + Thuốc nhỏ mắt trẻ em + Nhiệt kế, kéo, kẹp bông (pince), các loại nẹp, băng vải để cố định khi có trẻ bị gãy xương. + Bông thấm nước, gạc sạch, băng cuộn, băng dính, dầu cao. Lưu ý: Tủ thuốc để tại phòng y tế, thuốc có nhãn mác và hạn sử dụng, tủ thuốc phải được khóa là giữ sạch sẽ không để các thứ khác vào tủ thuốc. Giáo viên không được tự ý dùng kháng sinh cho trẻ và các loại thuốc khác khi chưa có sự hướng dẫn của nhân viên y tế. Nếu trẻ bị một phụ huynh gửi thuốc nhờ cho trẻ uống thì cần phải có sổ ghi rõ các loại thuốc, phụ huynh hướng dẫn nhờ cho trẻ uống và có sự ký nhận, ký gửi giữa phụ huynh và giáo viên.	Diễn - Phụ huynh	
--	---	--------------------------------	--

	<i>d. Bảo vệ an toàn và phòng tránh một số tai nạn thường gặp</i> - Xây dựng phương án đảm bảo an toàn phù hợp với từng nhà trường và địa phương, đặc biệt chú ý phòng chống dịch sốt xuất huyết cho trẻ và tay chân miệng. - Chú trọng làm tốt công tác tuyên truyền, phối hợp với phụ huynh để thực hiện có hiệu quả công tác đảm bảo an toàn cho trẻ. - Phối hợp trung tâm y tế để bồi dưỡng cho giáo viên về kỹ năng xử trí một số tai nạn thường gặp ở trẻ.		
--	--	--	--

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NĂM HỌC 2024-2025
ĐỘ TUỔI: 24-36 THÁNG

Mục tiêu giáo dục	Nội dung giáo dục
1. Lĩnh vực phát triển thể chất	
Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe	
1. Trẻ khỏe mạnh, cân nặng, chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi cụ thể: + <i>Trẻ Trai</i> Cân nặng từ 11,6 đến 14,7 (kg) Chiều cao từ 89,4 đến 96,5 (cm) + <i>Trẻ gái</i> Cân nặng từ 11,4 đến 13,9 (kg) Chiều cao từ 88,4 đến 95,6 (cm) - Trẻ khỏe mạnh, da dẻ hồng hào, tóc đen mắt sáng, bụng không ỏng	- Đảm bảo chế độ dinh dưỡng, tập luyện nhằm phát triển thể chất cho trẻ
2. Có một số nề nếp, thói quen tốt trong sinh hoạt hàng ngày và thực hiện kỹ năng cần thiết để phòng tránh bệnh covid 19	- Làm quen với chế độ ăn cơm và các loại thức ăn khác nhau. - Tập luyện nề nếp thói quen tốt trong ăn uống. - Luyện thói quen ngủ 1 giấc trưa. - Luyện một số thói quen tốt trong sinh hoạt: ăn chín, uống chín; rửa tay trước khi ăn; lau mặt, lau miệng, uống nước sau khi ăn; vứt rác đúng nơi quy định, thường xuyên sát khuẩn rửa tay bằng xà phòng và đeo khẩu trang để phòng tránh bệnh covid 19
3. Thực hiện một số việc tự phục vụ, giữ gìn sức khỏe.	- Tập tự phục vụ: + Xúc cơm, uống nước. + Mặc quần áo, đi dép, đi vệ sinh, cởi quần áo khi bị bẩn, bị ướt. + Chuẩn bị chỗ ngủ. - Tập nói với người lớn khi có nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh. - Tập đi vệ sinh đúng nơi qui định. - Tập một số thao tác đơn giản trong rửa tay,

	lau mặt.
4. Nhận biết và tránh một số nguy cơ không an toàn	- Nhận biết một số vật dụng nguy hiểm, những nơi nguy hiểm không được phép sờ vào hoặc đến gần (phích nước nóng, giếng nước...) - Nhận biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh (leo trèo lên lan can, chơi với vật sắc nhọn..)
Phát triển vận động	
5. Thực hiện động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp.	Hô hấp: Tập hít vào thở ra Tay: + 2 tay giơ lên cao hạ xuống, + Hai tay đưa ra phía trước, đưa ra phía sau + Hai tay đưa sang ngang, hạ xuống + 1 tay đưa về phía trước, 1 tay đưa về phía sau Lưng, bụng, lườn: + Cúi người xuống, đứng thẳng lên + Nghiêng người sang hai bên phải trái + Vặn người sang hai bên phải trái Chân: + Đứng nhún chân + Ngồi xuống, đứng lên, co duỗi từng chân + Bật tại chỗ
6. Giữ được thăng bằng, định hướng trong vận động: Đứng, đi, thay đổi tốc độ nhanh - chậm theo cô hoặc đi trong đường hẹp, đi có bệ vật trên tay.	*Các vận động cơ bản và phát triển tố chất vận động ban đầu: - Tập đi, chạy: + Đi theo hiệu lệnh, Đi trong đường hẹp, + Đi có mang vật trên tay. + Đứng co 1 chân. - Đi bước qua gậy kê 5cm. - Bước lên xuống bậc cao 15cm. - Bước lên xuống bậc có vịn - Đi kết hợp với chạy. - Đi bước vào các ô. - Đi bước đều

	- Đi theo đường ngoằn ngoèo
Thực hiện được chạy theo hướng thẳng và đổi hướng không mất thăng bằng	- Chạy theo hướng thẳng. - Chạy theo đường thẳng - Chạy đổi hướng
7. Thực hiện phối hợp vận động tay-mắt; khi tung bắt bóng với cô ở khoảng cách 1m,	Tập tung, ném, bắt: - Tung và bắt bóng cùng cô khoảng cách 1m - Ném bóng vào đích, - Ném bóng qua dây. - Tung bóng bằng hai tay - Tung bóng qua dây - Ném bóng về phía trước bằng một tay - Ném bóng về phía trước bằng hai tay - Lăn bóng - Lăn bóng hai tay vào gôn (1m-1m20)
8. Trẻ thực hiện phối hợp vận động tay – chân khi nhún, bật.	Tập nhún bật: - Bật tại chỗ. - Bật qua vạch kẻ - Bật về phía trước. - Bật xa. - Bật qua vạch kẻ - ném bóng qua dây
9. Trẻ biết phối hợp tay, chân, cơ thể trong khi bò thẳng hướng theo đường hẹp.	Tập bò trườn: - Bò thẳng hướng và có vật trên lưng. - Bò chui qua cổng. - Bò, trườn qua vật cản. (Trườn qua vật cản, Bò qua vật cản.) - Bò thẳng hướng theo đường hẹp. - Bò theo đường ngoằn ngoèo.
10. Thực hiện vận động cử động của bàn tay, ngón tay. .Vận động cổ tay, bàn tay, ngón tay- thực hiện “Múa khéo”. . Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay và phối hợp tay- mắt trong các hoạt động: nhào đất nặn, vẽ tổ chim, khâu vòng tay, chuỗi đeo cổ	*Các cử động của bàn tay, ngón tay và phối hợp tay mắt - Xoa tay, chạm các đầu ngón tay với nhau, rót, nhào, khuyậy, đảo, vò xé. - Tập khâu, luồn dây. Cài cỏi cúc, buộc dây. - Chồng xếp 6-8 khối - Đóng cọc bàn gỗ. - Nhón nhặt đồ vật.

	- Chắp ghép hình. - Tập cầm bút tô, vẽ. - Lật mở trang sách - tập vẽ bằng tay - Chơi với đất nặn
11. Trẻ bước lên được 5 bậc cầu thang có vịn	- Dùng 2 tay vịn vào thành thang và từng bước đưa chân lên cầu thang: Bước lên được 5 cầu thang vịn.
2. Lĩnh vực phát triển nhận thức	
* Luyện tập và phối hợp các giác quan 12. Khám phá thế giới xung quanh bằng các giác quan. Thị giác, thính giác, xúc giác, khứu giác, vị giác	* Luyện tập và phối hợp các giác quan Luyện tập và phối hợp các giác quan: Thị giác, thính giác, xúc giác, khứu giác, vị giác - Tìm đồ vật vừa mới cất giấu. - Nghe và nhận biết âm thanh của một số đồ vật, tiếng kêu của một số con vật quen thuộc. - Sờ nắn, nhìn, ngửi ... đồ vật, hoa, quả để nhận biết đặc điểm nổi bật. - Sờ nắn đồ vật, đồ chơi để nhận biết cứng - mềm, trơn (nhẵn) - xù xì. - Nếm vị của một số thức ăn, quả (Ngọt - mặn - chua) * Nhận biết tập nói: - Những dấu hiệu nổi bật của mùa hè - Trang phục mùa hè - Trò chuyện về vệ sinh trong thời tiết mùa hè.
*Nhận biết 13. Trẻ biết tên cô giáo, tên trường và một số bạn trong lớp.	- Thông qua các hoạt động hàng ngày trẻ gọi được tên cô giáo, và các bạn trong lớp(giờ đón, trả trẻ, giờ chơi...) *Nhận biết tập nói - Trò chuyện với trẻ về trường MN - Lớp học thân yêu - Trò chuyện về lớp mẫu giáo
14. Trẻ biết bắt chước một số hành động quen thuộc của những người gần gũi. Sử dụng, gọi tên được một	Một số đồ dùng đồ chơi - Tên đặc điểm nổi bật, công dụng, cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi quen thuộc.

số đồ dùng, đồ chơi quen thuộc.	+ Dạy trẻ cất đồ dùng đồ chơi đúng nơi quy định(Cho hoạt động chiều) + Hướng dẫn trò chơi “ thao tác vai” chăm em ốm, xúc cho em ăn” *Nhận biết tập nói - Đồ dùng, đồ chơi của lớp: - Đồ dùng của bé: cái mũ- đôi dép - Đồ chơi của bé: quả bóng - búp bê
15. Nói được tên và chức năng của một số bộ phận cơ thể khi được hỏi	* Nhận biết tập nói: - Tên và một số đặc điểm bên ngoài của bản thân. - Nhận biết tập nói về bản thân trẻ (Tên, tuổi, sở thích) - Tên chức năng một số bộ phận trên cơ thể bé (Mắt , mũi , miệng , tay , chân)
16. Trẻ biết tên Bác Hồ, biết một số ngày lễ hội như ngày 20/10, 20/11, 8/3	* Nhận biết tập nói - Trò chuyện về hình ảnh, tên Bác Hồ - Trò chuyện về ngày 20/10, 20/11, 8/3
17. Nói được tên của bản thân và những người gần gũi khi được hỏi.	* Nhận biết tập nói: - Nhận biết gọi tên người thân trong gia đình
18. Nói được tên và một vài đặc điểm nổi bật của các đồ vật, hoa quả, con vật quen thuộc.	Tên và một số đặc điểm nổi bật của đồ vật, con vật, rau, hoa, quả quen thuộc. * Nhận biết tập nói: Đồ vật - Đồ dùng sinh hoạt: cái giường , cái tủ - Một số đồ dùng để ăn: cái bát , cái thìa - Một số đồ dùng để uống: Cái ấm , cái chén Con vật - Con gà, con vịt - Con chó, con mèo - Con voi, con hổ - Con tôm, con cá - Con cua ; con ốc Rau, hoa, quả - Rau bắp cải- rau cải - Hoa hồng - hoa cúc

	- Quả chuối- quả cam - Hoa đào; hoa mai * Nhận biết phân biệt : - Rau ăn củ- rau ăn quả - Đồ dùng để ăn, đồ dùng để uống : Cái bát , cái cốc
19. Nói được tên, đặc điểm nổi bật, công dụng của phương tiện giao thông gần gũi và tín hiệu đèn giao thông.	Tên, đặc điểm nổi bật và công dụng của phương tiện giao thông gần gũi * Nhận biết tập nói - Xe đạp – xe máy - Ô tô – tàu hỏa - Tàu thủy- Thuyền buồm - Máy bay - Nhận biết tín hiệu đèn giao thông.
20. Chỉ/ nói tên hoặc lấy cát đúng đồ chơi màu đỏ/ vàng/ xanh theo yêu cầu.	Chỉ/ nói tên hoặc lấy cát đúng đồ chơi màu đỏ/ vàng/ xanh theo yêu cầu. * Nhận biết tập nói : - Màu sắc của hoa (hoa màu xanh- hoa màu đỏ...) * Nhận biết phân biệt - Chọn đồ dùng cho bé : Màu đỏ , màu xanh - Màu đỏ , màu xanh * Hoạt động với đồ vật: - Xâu vòng tặng mẹ (màu đỏ, màu xanh, màu vàng) - Xâu vòng tặng cô (màu đỏ, màu xanh, màu vàng) - Xâu vòng hoa, lá (màu xanh, màu đỏ) - Xâu vòng 2 màu các con vật trong gia đình - Xâu vòng tặng chú bộ đội (màu xanh, màu đỏ, màu vàng) - Xâu vòng màu xanh, màu đỏ, màu vàng tặng bà, mẹ.
21. Chỉ hoặc lấy hoặc cát đúng đồ chơi có kích thước to/nhỏ theo yêu cầu.	* Nhận biết phân biệt - Phân biệt đồ chơi theo kích thước to nhỏ - Bóng to – bóng nhỏ - Phân biệt con vật to – con vật nhỏ: con bò

	to , con chó nhỏ - Phân biệt quả to – quả nhỏ
22. Trẻ nhận biết được hình tròn, hình vuông.	- Hình tròn, hình vuông * Nhận biết phân biệt - Nhận biết phân biệt hình tròn, hình vuông. - Phân biệt quả tròn- quả dài * Nhận biết tập nói: - Bánh chưng; bánh tét
23. Trẻ nhận biết được một số vị trí trong không gian.	- Vị trí trong không gian (trên- dưới, trước sau) so với bản thân trẻ
24. Trẻ nhận biết được số lượng	* Nhận biết phân biệt - Nhận biết phân biệt (một – nhiều)
3.Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ	
*Nghe và nói	
25. Trẻ thực hiện được nhiệm vụ gồm 2- 3 hành động.	- Nghe và thực hiện các yêu cầu bằng lời nói
26. Trẻ hiểu được nội dung truyện ngắn đơn giản: Trả lời được các câu hỏi về tên truyện, tên và hành động của các nhân vật:	- Hiểu nội dung truyện ngắn đơn giản, trả lời được các câu hỏi về tên truyện và hành động của các nhân vật. - Kể lại đoạn truyện được nghe nhiều lần, có gợi ý * Truyện: - Chủ đề : Trường mầm non của bé - Cô và các bạn xem hoa - Chiếc đu màu đỏ (Sưu tầm), - Đôi bạn nhỏ (Lê Thu Hương st). - Bài học đầu tiên của gấu con (Lê Bạch Tuyết) - Gà trống và vịt (Nguyễn Huy Đàn), - Chủ đề : Đồ dùng và đồ chơi của bé Chiếc ô của thỏ trắng (Nguyễn Tiến Chiêm); Giày mới của gấu nhỏ (Sưu tầm). - Chủ đề: Bé với gia đình yêu - Cả nhà ăn dưa hấu (Vũ Hồng Tâm) . - Sẻ con(Ngô Quân Miện),

	- Chó Gấu con ngoan (Vân Nhi), - Thỏ con không vâng lời (Nguyễn Thị Thảo) - Vịt con lông vàng (Đặng Lan Phương), - Cháu chào ông ạ (Nguyễn Thị Thảo) - Chủ đề : Những con vật đáng yêu: - Khỉ con biết vâng lời (Vân Nhi); - Con Cáo, (Nguyễn Thị Thảo) - Thỏ ngoan (Hoàng Oanh), - Chú mèo con (Nguyễn Thị Tuất), - Mèo con (Nguyễn Thị Mai chi), - Mèo con nhút nhát, - Đôi bạn tốt - Cô vịt tốt bụng (Sưu tầm); - Chủ đề: Rau củ quả và những bông hoa đẹp - Bé hành đi khám bệnh - Sự tích hạt thóc, - Cây táo (Chế Thùy Như) - Khỉ con ăn chuối (Vân Nhi), - Thỏ con ăn gì (Hồ Lam Hồng), - Hoa mào gà, - Chiếc áo mùa xuân (Phương Anh), - Mùa xuân đã về; - Quả thị - Hoa mười giờ (Sưu tầm). - Thỏ con ăn gì (Hồ Lam Hồng), - Bé Mai đi chơi công viên (Vũ Hồng Tâm) - Chủ đề: Bé có thể đi khắp nơi bằng các phương tiện giao thông - Câu chuyện về chú xe ủi, (Lương Thị Bình) - Chuyến du lịch của chú gà trống choai (Lương Thị Bình) - Xe lu và xe ca (Phong Thu) - Vì sao thỏ cụt đuôi (Đặng Lan Phương Sưu tầm) - Chủ đề: Mùa hè đến rồi
--	---

	- Lợn con sạch lấm rồi (Phạm Mai Chi); - Cóc gọi trời mưa - Mèo nhát (Nguyễn Thị Thảo); - Chủ đề: Bác Hồ của em, em lên mẫu giáo - Đi tắm con ạ(sưu tầm), - Niềm vui bất ngờ, - Thế là ngoan (Theo cuốn Bác Hồ yêu chúng em);
27.Trẻ phát âm rõ tiếng	- Phát âm rõ tiếng
28. Trẻ nghe, đọc được bài thơ, ca dao, đồng dao với sự giúp đỡ của cô giáo.	- Nghe ,Đọc các đoạn thơ, bài thơ ngắn, ca dao, đồng dao, câu đố có 3- 4 tiếng như: - Chủ đề : Trường mầm non của bé: - Bạn mới (Nguyệt Mai), - Miệng xinh (Phạm Hồ), - Vườn trẻ (Nhược thủy), - Đến lớp (Xuân hoài), - Bé đi nhà trẻ (Hoàng Kim Định). - Đi học ngoan (Thiên xuân). - Chủ đề : Đồ dùng và đồ chơi của bé : - Găng tay và mũ (Tâm giao), - Đi dép (Phạm Hồ), - Làm đồ chơi (Trần Thị Phan), - Bập bênh (Trần Nguyên Đào), - Bạn của bé (Vương Vọng); - Chủ đề: Bé với gia đình yêu: - Bé quét nhà - Yêu mẹ (Nguyễn Bảo). - Đón mẹ (Nhược Thủy). - Giúp mẹ, - Bàn tay cô giáo (Định Hải) - ắm và chào (Sưu tầm), - Chối ngoan (Vũ Thanh), - Giờ ăn (Sưu tầm) - Gường (Phạm Hồ). - Chiếc Quạt nan (Xuân cầu).

	- Ông bà (Phong Thu). - Mẹ và con (Nguyễn Bá Đan), - Nụ cười của bé (Thu Hiền) Chủ đề : Những con vật đáng yêu: - Đàn gà con, - Chú gà con (Sưu tầm); - Gà gáy (Phạm Hồ), - Rong và cá (Phạm Hồ), - Cá Vàng(Nguyễn Bao); - Con cá vàng(Lam Hồng) (Nguyễn Bảo), - Con Cua (Trần Mạnh Hảo), - Thỏ Trắng (Thu Hà). - Ong và bướm (Nhược thủy). - Đàn kiến (Nhược Thủy). - Con Khi (Hoàng Thị Minh Khanh). - Con kiến (Hồng Trang), - Đàn lợn con (Sưu tầm) - Con Mèo (Nguyễn Thị Mai Chi) Chim sâu (Phong Thu); - Chim cuốc (Sưu tầm) - Tím ỏ (Sưu tầm) - Đàn Bò (Trần Thanh Dịch) - Chủ đề: Rau củ quả và những bông hoa đẹp - Củ cà rốt - Bắp cải xanh (Phạm Hồ), - Hoa nở (Thu Hà) - Chuối (Lê Hồng Thiện) - Cây dây leo (Xuân Tửu), - Mưa xuân (Sưu tầm) - Hoa đào (Mai Văn Hải), - Quả Thị (Thanh Thảo) - Tết là bạn nhỏ(Phan Trọng Bảo) - Chủ đề: Bé có thể đi khắp nơi bằng các phương tiện giao thông - Xe đạp (Phương Nam),
--	--

	- Con tàu (Định Hải), - Đi chợ tết,(Sưu Tầm), - Con Thuyền(sưu tầm) - Đường và chân (Xuân Tửu), - Đi chơi phố (Triệu Thị Lê); - Xe chữa cháy(Hồng Trang) - Tiếng còi tàu (Hồng Vy) - Tập Gấp Máy bay (Lê Bính) - Chủ đề: Mùa hè đến rồi - Bóng mây (Thanh Hào), - Cặp song ca mùa hè (Nguyễn Hoàng Sơn) - Đi nắng (Văn Lâm) , - Rửa tay (Vũ Ngọc Phác), - Trưa hè (Sưu tầm), - Bé và biển (Sưu Tầm); - Bàn chân của bé(Phạm Hồ), - Cầu vòng (Nhược Thủy) - Chủ đề: Bác Hồ của em, em lên mẫu giáo - Bé tập nói (Trần Thị Nhật Tân), - Em vẽ Bác Hồ (Thy Ngọc); - Khăn nhỏ (Sưu tầm) - Cô và mẹ (Trần Vân); - Dậy sớm (Sưu tầm) - Bàn tay cô giáo
29. Trẻ trả lời được câu hỏi: Ai đây? Cái gì đây? ...làm gì? ... như thế nào?	- Trả lời và đặt câu hỏi: Cái gì? Làm gì? Để làm gì? Tại sao?
30. Trẻ nói được câu đơn, câu có 5 - 7 tiếng, có các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm quen thuộc.	Sử dụng các từ chỉ đồ vật, con vật, đặc điểm, hành động quen thuộc trong giao tiếp.
31. Trẻ biết sử dụng lời nói với các mục đích khác nhau để chào hỏi, trò chuyện, bày tỏ nhu cầu của bản thân, hỏi về các vấn đề quan tâm.	- Chào hỏi, trò chuyện. - Thể hiện các nhu cầu mong muốn và hiểu biết bằng 1-2 câu đơn giản và câu dài.
32. Nói to, đủ nghe, lễ phép.	Sử dụng các từ thể hiện sự lễ phép khi nói

	chuyện với người lớn.
* Làm quen với sách 33. Làm quen với sách.	* Làm quen với sách - Lắng nghe khi người lớn đọc sách.
34. Biết các nhân vật trong tranh.	- Xem tranh và gọi tên các nhân vật sự vật hành động gần gũi trong tranh.
4. Lĩnh vực phát triển tình cảm kỹ năng xã hội và thẩm mỹ	
* Phát triển tình cảm 35. Nói được một vài thông tin về mình(tên, tuổi), thể hiện điều mình thích, không thích.	* Phát triển tình cảm - Nói được một vài thông tin về mình (tên, tuổi) - Nhận biết tên gọi, một số đặc điểm bên ngoài bản thân - Nhận biết một số đồ dùng, đồ chơi yêu thích của mình - Thực hiện yêu cầu đơn giản của giáo viên.
36.Trẻ nhận biết và biểu lộ trạng thái cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi qua nét mặt, cử chỉ	Thể hiện 1 số trạng thái cảm xúc: vui, buồn, tức giận.
37.Trẻ biết biểu lộ sự thân thiện với một số con vật quen thuộc/gần gũi: bắt chước tiếng kêu, gọi	- Quan tâm đến các vật nuôi
* Phát triển kỹ năng xã hội 38.Trẻ biết chào, tạm biệt, cảm ơn, ạ, vâng ạ	* Phát triển kỹ năng xã hội - Thực hiện một số hành vi văn hóa trong giao tiếp: chào tạm biệt, cảm ơn, nói từ “Dạ”, “Vâng ạ” chơi cạnh bạn, không cấu bạn. - Dạy trẻ kỹ năng chào hỏi lễ phép
39.Trẻ biết thể hiện 1 số hành vi xã hội đơn giản qua trò chơi giả bộ: (trò chơi bế em, khuấy bột cho em bé, nghe điện thoại...)	Tập sử dụng đồ dùng ,đồ chơi qua trò chơi giả bộ: trò chơi bế em, khuấy bột cho em bé, nghe điện thoại
40.Trẻ biết thực hiện 1 số yêu cầu của người lớn	- Thực hiện một số quy định đơn giản trong sinh hoạt ở nhóm, lớp : xếp hàng chờ đến lượt, để đồ chơi vào nơi quy định.
41.Mạnh dạn giao tiếp những người gần gũi	- Giao tiếp với những người xung quanh
42.Trẻ biết chơi thân thiện cạnh trẻ khác	- Chơi thân thiện với bạn: chơi cạnh bạn, không tranh giành đồ chơi của bạn

*** Phát triển cảm xúc thẩm mỹ**

43.Trẻ biết hát và vận động đơn giản theo một số bài hát/ bản nhạc quen thuộc.

*** Phát triển cảm xúc thẩm mỹ**

- Nghe hát, nghe nhạc với các giai điệu khác nhau, nghe âm thanh của các nhạc cụ.
- Hát và tập vận động đơn giản theo nhạc các bài hát phù hợp với độ tuổi.

- Chủ đề : Trường mầm non của bé

*** Dạy hát và tập vận động đơn giản theo nhạc**

- Cô và mẹ(Phạm Tuyên).
- Đi học về (Hoành Long- Hoàng Lân),
- Lời chào buổi sáng(Nguyễn Thị Nhung),
- Đi chơi với búp bê

*** Nghe hát- nghe nhạc**

- Đi nhà trẻ (Hoàng Kim Định)
- Ru em(Hoàng Kim Định),
- Đi ngủ(Hoàng Văn Yến) ,
- Chim mẹ chim con (Đặng Nhất Mai)
- Dân ca tự chọn
- Trường chúng cháu là trường mầm non

- Chủ đề: Đồ dùng và đồ chơi của bé

*** Dạy hát và tập vận động đơn giản theo nhạc**

- Giấu tay (Bùi Anh Tấn)
- Xòe bàn tay,nắm ngón tay(Minh Quân).
- Búp bê cho con,
- Đôi dép(Hoàng Kim Định),
- Đi một hai (Đoàn Phi.),

*** Nghe hát- nghe nhạc**

- Chiếc khăn tay(Văn Tấn)
- Đi chơi với búp bê
- Là con mèo
- Bóng tròn (Nhạc và lời Vũ Thanh)
- Dân ca tự chọn

- Chủ đề: Bé với gia đình thân yêu

*** Dạy hát và tập vận động đơn giản theo nhạc**

	- Cô và mẹ (Phạm Tuyên) - Mẹ yêu không nào(Lê Xuân Thọ). - Bé Ngoan(Hồng Ngọc); - Đi ngủ (Hoàng Văn Yến) * Nghe hát- nghe nhạc - Cả Nhà Thương Nhau (Phan Văn Minh), - Lại đây múa hát cùng cô (Bùi Anh Tôn) - Cháu yêu bà(Hàn Ngọc Bích), - Cả nhà đều yêu (Bùi Anh Tôn), - Tổ ấm (Hoàng Kim Định); - Cho con (phạm Trọng Cầu) - Biết vâng lời mẹ (Minh Khang) - Dân ca tự chọn - Chủ đề: Những con vật đáng yêu * Dạy hát và tập vận động đơn giản theo nhạc - Tiếng hát con vịt (Bùi Anh Tôn), - Gà trống mèo con và cún con(Thế Vinh), - Gà gáy(Hoàng Văn Yến), - Chú mèo (Chu Minh), - Con gà trống(Tân Huyền), - Là con mèo (Mộng Lân) - ếch ộp(Văn Chung); - Một con vịt (Kim Duyên) * Nghe hát- Nghe nhạc - Gà gáy le te (Dân ca Coong khao), - Ai cũng yêu chú mèo (Kim Hữu) - chú voi con - Cá vàng bơi (Hà Hải) - Rửa mặt như mèo (Hàn Ngọc Bích) - Thật là hay (Hoàng Lân) - Cò lả (Dân ca Quan họ Bắc ninh) - Dân ca Tự chọn - Chủ đề: Rau củ quả và những bông hoa đẹp * Dạy hát và tập vận động đơn giản theo
--	--

	nhạc - Bé và hoa (Thu Hiền) - Gió thổi cây nghiêng (Bùi Anh Tôn), - Con chim hót trên cành cây (Trọng Bằng) - Hái Hoa (Bùi Anh Tôn), - Hoa trường em - Cây Bắp cải (Nhạc: Thu Hồng; Thơ: Phạm Hồ) * Nghe hát- Nghe nhạc - Lý cây xanh (Dân ca Nam Bộ), - Sắp đến tết rồi - Quả gì - Hái hoa - Hoa trường em - Quả - Màu Hoa (Hồng Đăng) - Mùa Xuân (Hoàng văn yển) - Hoa trong vườn (Dương Hưng Bang) - Cây trúc xinh (Dân ca quan họ bắc ninh); - Cháu thương chú bội đội (Nhạc và lời: Hoàng Văn Yển) - Chủ đề: Bé có thể đi khắp nơi bằng các phương tiện giao thông. * Dạy hát và tập vận động đơn giản theo nhạc - Lái ô tô (Đoàn Phi) - Em Tập Lái ô tô (Nguyễn Văn Tý) - Đèn xanh đèn đỏ (Bùi Anh Tôn) - Đường em đi (Ngô Quốc Tính) * Nghe hát- Nghe nhạc - Bông hoa mừng cô (Trần Thị Duyên) - Ngã tư đường phố (Hoàng văn Yển) - Đi đường em nhớ (Hoàng văn Yển) - Em đi chơi thuyền (Trần Kiệt Tường) - Anh phi công ơi (Nhạc và lời : Xuân Giao – Xuân Quỳnh)
--	---

	- Bạn ơi có biết (Hoàng Văn Yến) - Dân ca tự chọn - Đi nhà trẻ - Chim mẹ chim con - Tàu hỏa (Bùi Anh Tôn) - Quà 8/3 - Chủ đề: Mùa hè đến rồi - * Dạy hát và tập vận động đơn giản theo nhạc - Trời nắng trời mưa(Đặng Nhật Mai) - Mùa hè đến (Nguyễn Thị Nhung) -Ếch ộp (Văn Chung) - * Nghe hát- Nghe nhạc - Cháu vẽ ông mặt trời (Tân huyền), - Em tập thể dục buổi sáng - Nắng sớm (Hàn Ngọc Bích), - Phao bơi - Đi thăm thủ đô (Bùi Anh Tôn) - Chủ đề: Em lên mẫu giáo, Bác Hồ Kính yêu - Em tập nói (Hoàng Long.) - Cháu đi mẫu giáo(Phạm Minh Tuấn) - Bé Ngoan (Trần Nguyên Huân) - * Nghe hát- Nghe nhạc - Quà tặng tuổi thơ (Bùi Anh Tôn) - Em mơ gặp Bác Hồ (Xuân Giao), - Em đi mẫu giáo (Dương Minh Viên) - Em yêu cô giáo (Nhạc và lời: Bùi Anh Tôn) - Nhớ ơn Bác (Nhạc và lời: Phan Huỳnh Điểu) - Trò chơi âm nhạc: Nghe âm thanh to nhỏ, Nghe âm thanh của 2 dụng cụ khác nhau. Nghe âm thanh và tìm ra nơi phát ra âm thanh; Nghe âm thanh to nhỏ; Hãy bắt chước; Tai ai tinh, hãy lắng nghe; nghe tiếng kêu đoán tên phương tiện; Ai đoán giỏi; Ai nhanh nhất, Nhảy theo giai điệu
--	---

44.Trẻ thích tô màu, vẽ, nặn, xé, xếp hình, xem tranh (cầm bút di màu, vẽ nguệch ngoạc).

- Vẽ các đường nét khác nhau, di màu, nặn, xé, vò, xếp hình
- Xem tranh
- Vẽ các đường nét khác nhau, di màu, xé, vò, xếp hình

Tạo hình:

+ Chủ đề: Trường mầm non của bé

Tập vẽ bằng tay

Tô màu cái xô cho cô cấp dưỡng

Chơi với đất nặn

+ Chủ đề : Đồ dùng và đồ chơi của bé

Tô màu cái trống lắc

Di màu quả bóng

Di Màu chiếc yếm

Nặn Bánh tặng búp bê

+ Chủ đề: Bé và gia đình thân yêu

Tô màu chiếc cốc

Vẽ hoa tặng cô giáo

Tô màu chiếc áo của mẹ

Tô màu đường về nhà

Tô màu bông hoa tặng cô

Nặn đôi đũa

+ Chủ đề: Những con vật đáng yêu

Tô màu con voi

Nặn con giun cho gà, vịt

Tô màu con cá heo

Nặn quả trứng tròn

+ Chủ đề: Rau quả và những bông hoa đẹp-tết và mùa xuân

Tô màu quả táo

Nặn cánh hoa

Dán lá cho cánh hoa

Tô màu củ cà rốt

Nặn quả cam

Tô màu bánh chưng

Vẽ mưa mùa xuân

	+ Chủ đề: Bé thích đi khắp nơi bằng phương tiện giao thông Tô màu ô tô Nặn bánh xe Tô màu mũ bảo hiểm + Chủ đề: Mùa hè đến Tô màu chiếc ô Vẽ các tia nắng + Chủ đề: Bé lên mẫu giáo Tô màu bánh ga tô Hoạt động với đồ vật: Xâu vòng tặng bạn. Xếp đường đi đến trường Xếp giường búp bê Xếp cái giường Bày mâm ngũ quả Xếp nhà Xếp bàn, ghế - Sắp xếp đồ dùng Xếp chuồng cho các con vật Xếp đường đi cho gà vịt về chuồng. Xếp ao cá Xếp đoàn tàu Xếp chồng nhau (tháp chóp, lồng hộp) Chắp ghép hình Xếp hình tháp chóp Xếp hình máy bay; Xếp ô tô Xếp hình thuyền - Xem tranh về các chủ đề
--	---

HIỆU TRƯỞNG

Trần Thị Nguyệt

